HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 207/2018/NQ-HĐND	*Đồng Tháp, ngày 06 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 389/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Xây dựng kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp đứng vào hàng khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; có kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn theo hướng hiện đại, thông minh. Phát triển kinh tế nông - công - thương trên cơ sở tận dụng cơ hội từ quá trình hội nhập và sự phát triển kinh tế tri thức; xây dựng nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đưa kinh tế tỉnh tham gia cách mạng công nghiệp 4.0. Phát triển du lịch trở thành một trong những động lực trong phát triển kinh tế; đồng thời, gắn với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập người dân. Bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, có khả năng ứng phó và giảm thiểu ảnh hưởng do tác động của biến đổi khí hậu.

2. Chỉ tiêu chủ yếu *(kèm theo Phụ lục I)*

a) Về kinh tế: Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt từ 6,9% - 7,1%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 7,0% - 7,2%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 7,0% - 7,3%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Khu vực nông - lâm - thuỷ sản chiếm 32,2% - 33,7%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 23,8% - 24,3%; khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 42,5% - 43,5% ; đến năm 2025, lần lượt theo thứ tự là 27,6% - 29,1%, 26,4% - 26,8% và 44,6% - 45,6%; đến năm 2030, lần lượt theo thứ tự là 23,1% - 24,6%, 29,4% - 29,5% và 46,0% - 47,4%.

Thu nhập bình quân trên người *(theo giá thực tế)* đến năm 2020 từ 50,8 - 52,5 triệu đồng/người/năm; đến năm 2025 từ 82,6 - 85,8 triệu đồng/người/năm; đến năm 2030 từ 132,8 - 139,3 triệu đồng/người/năm. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2020 đạt từ 6.796 - 7.021 tỷ đồng; đến năm 2025 đạt từ 10.645 - 10.749 tỷ đồng; đến năm 2030 đạt từ 17.503 - 17.713 tỷ đồng. Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn đến năm 2020 đạt 1.270 triệu USD; đến năm 2025 đạt 1.660 triệu USD và đến năm 2030 đạt 2.118 triệu USD.

b) Về xã hội - môi trường: Quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 1,71 triệu người; đến năm 2025 khoảng 1,76 triệu người và đến năm 2030 khoảng 1,80 triệu người. Đến năm 2020, có 09 bác sĩ và 26 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2025 có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2030 có 11 bác sĩ và 32 giường bệnh/1 vạn dân. Tỷ lệ lao động được đào tạo: đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% *(trong đó: (1) tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 49,3%) ; đến năm 2025,* tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 78,6% *(trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 57,2%)* ; đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 87,4% *(trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 63,8%) ; (2) tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động nông thôn lần lượt đến năm 2020, 2025, 2030 là 46,7%, 43,8%, 41,8%* . Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2020 - 2025 - 2030 lần lượt đạt 90,0% - 95,0% - trên 95,0%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 23% vào năm 2020; còn dưới 20% vào năm 2025 và còn dưới 15% vào năm 2030.

Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi được huy động đến trường so với dân số đến năm 2020: Mẫu giáo đạt 85% (3 - 5 tuổi), Tiểu học đạt 99,9%; Trung học cơ sở đạt 95% và Trung học phổ thông đạt 65%. Đến năm 2025: Mẫu giáo đạt 90% (3 - 5 tuổi), Tiểu học đạt 99,9%; Trung học cơ sở đạt 97% và Trung học phổ thông đạt 68%. Đến năm 2030: Mẫu giáo đạt 92% (3-5 tuổi), Tiểu học đạt 99,9%; Trung học cơ sở đạt 98% và Trung học phổ thông đạt 70%.

Đến năm 2020 - 2025 - 2030, tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch lần lượt đạt 100% - 100% - 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% - 100% - 100%. Đến năm 2025, phấn đấu tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn dưới 2,8%, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn 92%, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới bình quân 1,5%/năm, hàng năm tạo việc làm cho trên 30.000 lao động; đến năm 2030, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn dưới 2,6%, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn lên 95%, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,5%/năm, tạo việc làm hàng năm cho trên

20.000 lao động. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ người tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở đạt 70% và tỷ lệ gia đình tập thể dục thể thao thường xuyên là 40%; đến năm 2030, các tỷ lệ này lần lượt đạt 75% và 45%.

Đến năm 2020 - 2025 - 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý lần lượt đạt 80% - 95% - 100%; tỷ lệ chất thải rắn các khu - cụm công nghiệp, y tế nguy hại được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường lần lượt đạt trên 95% - 100% - 100%.

3. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu

3.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững; đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng thâm canh, chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường và tăng thu nhập gấp đôi trên đơn vị diện tích canh tác.

Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, hình thành và phát triển bền vững các vùng sản xuất nông thủy sản quy mô tập trung sản xuất theo chuỗi giá trị của từng loại sản phẩm, từng bước tiến hành tiêu chuẩn hóa hệ thống nuôi trồng gắn với truy suất nguồn gốc, từng bước đưa sản phẩm nông nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Các sản phẩm chủ lực có tính chiến lược và tính đặc thù: lúa, cá da trơn, hoa kiểng, rau đậu, xoài cát và quýt hồng, thịt heo, thịt bò, vịt.

Đến năm 2030 giảm diện tích lúa còn khoảng 200.000 ha gắn với hình thành các cánh đồng lớn kết hợp xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng gạo và sản phẩm chế biến sau gạo trên cơ sở ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, gia tăng tỷ lệ sử dụng giống chất lượng cao. Phát triển kinh tế vườn với quy mô 39.000 ha, tập trung vào các sản phẩm có thế mạnh về thương hiệu và hiệu quả sản xuất, từng bước tiếp cận và đạt các tiêu chuẩn xác nhận một số loại sản phẩm, hướng đến hình thành trung tâm bảo quản, chế biến nông sản, logistic cấp Vùng.

Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm về số lượng và chất lượng theo quy mô trang trại gắn với các nhà máy chế biến thực phẩm thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Phát triển 10.000 ha thủy sản theo hướng hiện đại, sạch, thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, xử lý nước tuần hoàn, tập trung, quy mô lớn… chú trọng ngành hàng cá tra còn nhiều tiềm năng. Khuyến khích tận dụng lợi thế mùa nước nổi để nuôi trồng thủy sản, nhất là các mô hình 1 lúa - 1 thủy sản và nuôi thủy sản trong chân ruộng.

Thực hiện có hiệu quả chương trình khởi nghiệp và chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên cơ sở tổ chức lại sản xuất làng nghề kết hợp với canh tác công nghệ - kỹ thuật cao, ứng dụng công nghệ mới, kết hợp với du lịch trải nghiệm và phát triển thương mại điện tử,… nhằm nâng cao mức sống người dân nông thôn, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Nhân rộng mô hình Hội quán hướng đến xây dựng tinh thần tự chủ, tự quản, tham gia quản trị địa phương, nhằm nâng cao vai trò là trung tâm gắn kết cộng đồng trong việc chia sẻ các mô hình sản xuất mới, ứng dụng khoa học công nghệ,... làm cơ sở cho việc hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã theo hướng đa dịch vụ, liên hợp tác xã; hỗ trợ phát triển kinh tế cộng đồng. Kết hợp xây dựng xã nông thôn mới gắn với "Làng thông minh", không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tạo nên những miền quê nổi bật, đáng sống. Phát huy hiệu quả các thiết chế văn hoá như: Trung tâm Văn hoá học tập cộng đồng, làng nghề, các cơ sở tín ngưỡng phù hợp với các giá trị nhân văn...

Phấn đấu đến năm 2020 có 51% xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã còn lại đều đạt trên 13 tiêu chí, có 02 huyện cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; đến năm 2025 có khoảng 90% số xã đạt chuẩn, 5 đơn vị cấp huyện cơ bản đạt chuẩn; đến năm 2030 có trên 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nâng cao, 80% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

3.2. Phát triển công nghiệp - xây dựng

Phát triển khu vực kinh tế công nghiệp, xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân duy trì ở mức cao và là đầu tàu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao giá trị sản phẩm công nghiệp trên cơ sở cơ giới hóa, tự động hóa, ứng dụng thành quả cách mạng công nghệ 4.0 trong quá trình thực hiện tái cơ cấu công nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho lao động dôi dư trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp.

Tập trung đưa các ngành công nghiệp chủ lực của Tỉnh duy trì tốp dẫn đầu của Vùng: Hình thành các trung tâm chế biến nông thủy sản và thực phẩm gắn với phát triển hệ thống logistics, công nghiệp dược phẩm, công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, trong đó ổn định và phát triển các ngành công nghiệp chế biến lúa gạo, cá tra theo hướng tạo ra nhiều dòng sản phẩm giá trị gia tăng cao, phát triển vùng trồng dược liệu. Đồng thời, kêu gọi đầu tư đa dạng hóa các ngành, lĩnh vực sản xuất trang phục, da giày; công nghiệp cơ khí tự động hóa trong nông nghiệp và linh kiện máy chế biến nông sản thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ cho các ngành cơ khí chế tạo và điện tử - tin học; năng lượng tái tạo; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng cần phát huy lợi thế nguồn cát xây dựng để sản xuất, tạo ra giá trị gia tăng; tiếp tục cải thiện và tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Lấy phát triển khu - cụm công nghiệp liên kết ngành làm điểm nhấn trong phát triển công nghiệp, mở ra cơ hội cho công nghiệp Đồng Tháp tham gia trong chuỗi giá trị sản phẩm công nghiệp; đồng thời có kế hoạch, tiến độ di dời các cơ sở gây ô nhiễm trong khu dân cư vào cụm công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, kêu gọi đầu tư và lấp đầy 07 khu công nghiệp *(không tính các khu công nghiệp mở rộng)* và vận hành 30 cụm công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch là 2.556 ha.

Thực hiện tốt công tác rà soát quy hoạch xây dựng đô thị và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch; đẩy mạnh chỉnh trang đô thị, hoàn chỉnh hạ tầng các khu dân cư tập trung (bao gồm các cụm, tuyến dân cư vượt lũ), các khu đô thị mới phải có hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại hoàn chỉnh, góp phần thúc đẩy

phát triển thương mại - dịch vụ; phát triển các khu đô thị thông minh. Xây dựng và phát triển ổn định thị trường bất động sản, tập trung phát triển nhà ở, đất ở cho người thu nhập thấp, phát triển nhà ở xã hội, nhất là bảo đảm nhà ở cho công nhân tại các khu, cụm công nghiệp tập trung.

3.3. Phát triển lĩnh vực thương mại - dịch vụ - du lịch

Phát huy hiệu quả tiềm năng kinh tế biên giới đất liền, đi đôi với việc đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nước ngoài tiềm năng, tăng nhanh xuất khẩu. Lấy thương mại điện tử cho sản phẩm đặc trưng của tỉnh, liên kết tiêu thụ hàng hoá nông sản của tỉnh làm chiến lược trọng tâm phát triển kinh tế hàng hoá; đưa Đồng Tháp trở thành điểm đến về du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

Thực hiện liên kết sản xuất để đưa hàng hoá nông sản của Tỉnh tham gia vào chuỗi hệ thống bán lẻ hiện đại (Saigon Co.op, Bách Hoá Xanh, VinMart,...) là chiến lược trọng tâm trong phát triển kinh tế. Phát triển hệ thống trung tâm thương mại cấp tiểu vùng (Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự); đồng thời, chú trọng phát triển đồng bộ hệ thống chợ dân sinh tại khu vực nông thôn và các chợ đầu mối, chợ sỉ có khả năng phát luồng thúc đẩy thương mại nội Tỉnh phát triển.

Tăng cường liên kết với các tỉnh, thành trong nước và ngoài nước, tạo cơ chế thông thoáng, thuận lợi thu hút khách vào các khu du lịch sinh thái, văn hóa (khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, Khu du lịch Xẻo Quít, Khu di tích Gò Tháp, Vườn quốc gia Tràm Chim, du lịch biên giới, du lịch làng hoa Sa Đéc,...) kết hợp tổ chức các sự kiện, lễ hội du lịch; phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm mới, trong đó khai thác tiềm năng du lịch sông Tiền trở thành điểm dừng chân hấp dẫn trên tuyến du lịch kết nối các quốc gia hạ lưu sông Mê kông. Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất cho các cơ sở ăn uống, lưu trú, tham quan... phục vụ phân khúc khách du lịch cao cấp (phấn đấu ít nhất có từ 3 đến 5 khách sạn đạt chuẩn 5 sao).

Phát triển đa dạng và đồng bộ các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tác dụng thúc đẩy các ngành sản xuất và dịch vụ khác như logistics, viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ khoa học công nghệ, tư vấn, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ phục vụ cho khách du lịch ở phân khúc cao cấp.

3.4. Phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội

3.4.1. Giáo dục đào tạo, dạy nghề

Phát triển giáo dục - đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để mọi người dân được đi học và không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học các cấp phục vụ dạy và học đạt chuẩn quốc gia. Liên kết đào tạo đổi mới chương trình giảng dạy ở 02 trường chuyên và một số trường trung học phổ thông, cơ sở đào tạo tư thục đạt chuẩn đầu ra quốc tế.

Duy trì và củng cố thành quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng và xã hội hóa; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đầu tư xây dựng trường Đại học Đồng Tháp trở thành cơ sở đào tạo hàng đầu trong khu vực vào năm 2025; hoàn chỉnh và nâng cấp trường Cao đẳng Cộng đồng trở thành trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực; phấn đấu đưa các trường đại học, cao đẳng của tỉnh từng bước đào tạo đạt chuẩn quốc tế.

3.4.2. Lao động và việc làm

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và toàn diện, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nâng mức sống của người dân, nhất là đối với vùng nông thôn, biên giới. Hỗ trợ lao động nghèo học nghề và giải quyết việc làm sau đào tạo, chú trọng công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Phấn đấu đến năm 2025: Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn dưới 2,8%, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn 92%, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới 1,5%/năm, hàng năm tạo việc làm cho trên 30.000 lao động. Đến năm 2030, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn dưới 2,6%, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn lên 95%, giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,5%/năm, tạo việc làm hàng năm cho trên 20.000 lao động.

3.4.3. Y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng

Thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khoẻ sinh sản để nâng cao chất lượng dân số, tăng cường phát triển thể chất con người đạt được các chỉ số về tầm vóc, thể lực và tuổi thọ. Duy trì mức sinh hợp lý theo quy mô gia đình ít con (có 01 hoặc 02 con), nhất là ở vùng nông thôn, biên giới để tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý.

Phát triển sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng dự phòng tích cực; bảo đảm mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng cao; giảm tỷ lệ mắc bệnh, không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra.

Đầu tư, xây dựng mới bệnh viện đa khoa Đồng Tháp là bệnh viện chuyên khoa sâu đạt chuẩn hạng I, nâng cấp và mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị 03 bệnh viện tuyến tỉnh đạt chuẩn hạng II. Trang bị đúng chuẩn cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện xã hội hóa công tác y tế nhằm huy động mọi nguồn lực cho hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

3.4.4. Văn hoá, thể dục thể thao

Phát triển văn hoá vì mục tiêu xây dựng con người mới đậm chất văn hóa truyền thống và văn minh đáp ứng thời đại công nghệ 4.0 với số lượng và chất lượng các hoạt động văn hóa, thể thao, phương tiện vui chơi giải trí được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân. Đầu tư bảo tồn, tôn

tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm, như: khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, khu di tích Xẻo Quýt, Vườn quốc gia Tràm Chim; đặc biệt là nâng cấp khu di tích đặc biết cấp quốc gia Gò Tháp lên di sản văn hóa thế giới; Tiếp tục thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá".

Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng kết hợp với thể thao học đường trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa, tăng thêm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất thể dục thể thao tuyến cơ sở. Chú trọng việc tăng cường đầu tư phát triển lực lượng thể thao thành tích cao của tỉnh, giữ vững thành tích các môn thể thao mũi nhọn và nâng cao chất lượng một số môn thể thao địa phương có tiềm năng, như điền kinh, bơi lội, cờ vua… Phấn đấu đến năm 2025,tỷ lệ người tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở đạt 70% và tỷ lệ gia đình tập thể dục thể thao thường xuyên là 40%; đến năm 2030, tỷ lệ này lần lượt là 75% và 45%.

3.4.5. Các vấn đề xã hội

Nâng cao chất lượng hoạt động phong trào đền ơn đáp nghĩa, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trong việc trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, bảo đảm ổn định cuộc sống cho các đối tượng xã hội. Thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, đặc biệt là các trẻ em nghèo, trẻ em vùng khó khăn ít có điều kiện tiếp cận tiến bộ xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng xã, phường lành mạnh, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho các đội tình nguyện tại cộng đồng.

3.5. Phát triển khoa học, công nghệ, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

3.5.1. Khoa học và công nghệ

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh; phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, thị trường khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ.

Nghiên cứu thành lập quỹ khoa học và công nghệ của Tỉnh, khuyến khích các doanh nghiệp trích lập quỹ khoa học và công nghệ nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ thúc đẩy triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu thành các sản phẩm thương mại; chuyển giao, đổi mới công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu như: Sản xuất nông nghiệp, truy suất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, phát triển thị trường phi truyền thống, thủy sản, công nghiệp chế biến, vật liệu xây dựng, lĩnh vực môi trường và quản lý nhà nước.

3.5.2. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Quan tâm bố trí sử dụng đất đai hợp lý cho các lĩnh vực: sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại – dịch vụ; phát triển hạ tầng – đô thị và các

công trình phúc lợi xã hội.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp, các chủ cơ sở sản xuất, cá nhân và cộng đồng về bảo vệ môi trường. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Tăng cường công tác quản lý môi trường, xử lý ô nhiễm, phòng chống sự cố môi trường tại khu vực đô thị, các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề, vùng nuôi trồng thủy sản, khu giết mổ gia súc - gia cầm, các cụm, tuyến dân cư tập trung. Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học. Phòng ngừa, hạn chế ô nhiễm và các tác động xấu đến môi trường.

3.6. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

3.6.1. Về giao thông vận tải

Phát triển mạng lưới giao thông của tỉnh kết nối với mạng lưới giao thông quốc gia đảm bảo liên thông và chuyển tiếp liên tục giữa hệ thống giao thông đối nội với hệ thống giao thông đối ngoại, tạo điều kiện để giao thông tỉnh Đồng Tháp kết nối với các đô thị lớn trong khu vực và cả nước. Phát triển hệ thống kho vận, kho nông sản kết hợp với cảng, bến bãi giao thông bảo đảm cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đầu tư hoàn chỉnh các công trình giao thông trọng điểm liên kết vùng. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành Trung ương đầu tư nâng cấp, xây mới hệ thống đường quốc lộ, bao gồm các tuyến: QL 30, tuyến N1, tuyến N2, đường cấp cao An Hữu - Cao Lãnh.

Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến đường tỉnh theo hướng đến năm 2030 cơ bản đạt chuẩn cấp III đồng bằng; giai đoạn 2021-2030 nâng cấp 3 tuyến, kéo dài đấu nối 10 tuyến và xây mới 4 tuyến. Đầu tư nâng cấp bảo đảm 70% các tuyến giao thông liên xã có bề rộng mặt đường đạt 5,5m, 30% còn lại đạt chuẩn nông thôn mới; tập trung đầu tư theo Đề án phát triển giao thông nông thôn, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới để đạt tiêu chí số 02 về giao thông.

Nâng cấp các tuyến vận tải thủy chính của Vùng (tuyến sông Tiền, sông Hậu, Mương Khai – Đốc Phủ Hiền) và các tuyến đường thuỷ nội địa kết nối (kênh Nguyễn Văn Tiếp, Đồng Tiến, An Phong – Mỹ Hoà, kênh Xáng Lấp Vò – Sa Đéc,…) kết hợp đầu tư, nâng cấp các bến cảng, bến thuỷ nội địa nhằm kết nối với các phương thức vận tải phục vụ các khu – cụm công nghiệp và phát triển logistics.

3.6.2. Thuỷ lợi

Đầu tư và hoàn thiện các kênh trục dẫn nước, thoát lũ vùng Đồng Tháp Mười, hồ trữ nước ngọt tại Tràm Chim phục vụ điều tiết nguồn nước và chống chịu tác động biến đổi khí hậu cấp Vùng. Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lỡ dọc sông Tiền bảo vệ dân cư trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, nâng cấp hệ thống đê bao/ ô bao bảo vệ vườn cây ăn trái; cải tạo hệ thống trạm bơm điện kết hợp

với kiên cố hoá kênh mương nội đồng bảo đảm phục vụ sản xuất và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3.6.3. Thông tin viễn thông

Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin viễn thông theo hướng hiện đại, có dung lượng lớn. Mở rộng vùng phủ sóng của các mạng viễn thông di động 4G, 5G và phát triển các mạng thế hệ tiếp sau bảo đảm nhiệm vụ hạ tầng hiện đại để tham gia vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

3.6.4. Cấp điện, cấp thoát nước và xử lý nước thải

Phát triển hệ thống cấp điện trên cơ sở các quy hoạch phát triển điện lực cấp quốc gia; quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035 theo hướng phát triển các tuyến trung áp liên kết mạch vòng kết hợp với cải tạo hệ thống truyền tải và nâng cấp lưới trung thế từ 1 pha lên 3 pha nhằm bảo đảm đáp ứng tiêu chí N-1 và tiết kiệm điện.

Tập trung đầu tư nâng cấp, xây mới đồng bộ hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các đô thị, khu dân cư nông thôn, bảo đảm theo yêu cầu nước cho sinh hoạt của Nhân dân. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và xử lý nước thải, đặc biệt là ở các khu đô thị, khu công nghiệp.

3.7. Quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại

Triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng trọng điểm trên địa bàn theo quy hoạch chung, bảo đảm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp hình thành thế trận khu vực phòng thủ của tỉnh. Đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, ổn định dân sinh để người dân an tâm sinh sống, góp phần bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia. Thực hiện tốt công tác tuyển sinh, tuyển quân theo chỉ tiêu và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Quân khu, bảo đảm ngày càng nâng cao về sức khoẻ, trình độ chính trị, văn hóa của thanh niên trúng tuyển. Đồng thời, đẩy mạnh công tác hậu phương quân đội, gắn với hoạt động của tổ chức đoàn thể, mang lại nhiều kết quả thiết thực.

Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, thường xuyên thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước; đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động phá hoại, gây rối, không để bị động, bất ngờ. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, ma túy; kiềm chế, kéo giảm vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên và kéo giảm tai nạn giao thông. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng công an xã, các tổ, đội dân phòng trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối ngoại, chú trọng đối ngoại nhân dân, đối ngoại doanh nghiệp. Duy trì quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh Prây-veng, Ban-tây Miên-chây (Vương quốc Campuchia) và các tỉnh Cham-pa-sak, Sa-la-van (Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào).

3.8. Phương hướng tổ chức không gian phát triển

3.8.1. Phân vùng phát triển

Vùng kinh tế trung tâm: Phát triển đô thị, phát triển công nghiệp chế biến - thương mại dịch vụ, nông nghiệp chuyên canh lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch văn hóa lịch sử, với đô thị trung tâm là thành phố Cao Lãnh là trung tâm hành chính của tỉnh và các đô thị vệ tinh: Mỹ Thọ, Mỹ An, Thanh Bình.

Vùng kinh tế phía Nam: Phát triển đô thị, phát triển công nghiệp tập trung, phát triển thương mại xuất khẩu, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển du lịch, với đô thị trung tâm là thành phố Sa Đéc và các đô thị vệ tinh: Lấp Vò, Lai Vung, Nha Mân - Cái Tàu Hạ.

Vùng kinh tế phía Bắc: Phát triển đô thị, phát triển công nghiệp thương mại biên giới, phát triển nông nghiệp trong điều kiện ngập lũ, phát triển cảnh quan không gian mở, bảo tồn sinh học, phát triển du lịch sinh thái, với đô thị trung tâm vùng là thị xã Hồng Ngự và các đô thị vệ tinh: Tràm Chim, Thường Thới Tiền, Sa Rài.

3.8.2. Phát triển đô thị

Song song với việc phát triển, nâng cấp đô thị, quan tâm thực hiện hoàn chỉnh lại quy chế quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan tại thành phố Cao lãnh và Sa Đéc theo hướng xây dựng đô thị thông minh trên nền tảng ứng dụng thành quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thông qua các giải pháp như: Giao thông thông minh, quản lý nguồn nước thông minh, quản lý năng lượng thông minh,… là nền tảng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị.

Đến năm 2020, toàn tỉnh có 23 đô thị: 02 đô thị loại II (Cao Lãnh, Sa Đéc), 01 đô thị loại III (thị xã Hồng Ngự), 05 đô thị loại IV (Lấp Vò, Mỹ An, Mỹ Thọ, Tràm Chim, Thanh Bình) và 15 đô thị loại V.

Đến năm 2025, toàn tỉnh có 27 đô thị, trong đó: 02 đô thị loại II (Cao Lãnh, Sa Đéc), 01 đô thị loại III (thị xã Hồng Ngự), 08 đô thị loại IV và 16 đô thị loại V.

Đến năm 2030, phấn đấu toàn tỉnh có 32 đô thị, trong đó: 02 đô thị loại I (Cao Lãnh, Sa Đéc), 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 07 đô thị loại IV và 21 đô thị loại V.

3.8.3. Định hướng phát triển nông thôn

Phát triển nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; từng bước hoàn thiện, đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trước hết đầu tư hệ thống thủy lợi nội đồng, giao thông nông thôn, cơ sở giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường.

Xây dựng "Làng thông minh" trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào tổ chức sản xuất liên kết khép kín nhằm giảm phát thải và sử dụng năng lượng tái tạo hiệu quả.

4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư *(kèm theo Phụ lục II)*

5. Các giải pháp chủ yếu thực hiện Quy hoạch

5.1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển

Ngoài các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, sẽ tiến hành đa dạng hóa các hình thức huy động vốn thông qua cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; triển khai công tác xúc tiến đầu tư, xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư; đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; chú trọng thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp ngoài tỉnh, vốn FDI, ODA, trái phiếu…; huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất và các hình thức đầu tư khác để phát triển đô thị và công thương nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng; phát triển thị trường tài chính; đẩy nhanh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao, xây dựng và vận hành, chuyển giao các kết cấu hạ tầng.

Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn từ Trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế, chính sách ưu đãi. Chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp bảo đảm vốn cho các công trình, dự án trọng điểm, nhất là các dự án lớn về giao thông, thủy lợi, quốc phòng, an ninh, biên giới. Xây dựng các dự án hạ tầng hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên cơ sở tính toán hiệu quả để thu hút các nguồn vốn vay tín dụng của Nhà nước.

5.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Đầu tư cho Trường Cao đẳng cộng đồng, Cao đẳng Y tế, các trường trung cấp nghề về trang thiết bị, cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu đào tạo phục vục phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và khu vực; đẩy mạnh chương trình đưa người lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Mở rộng các hình thức đào tạo nghề, tập trung vào các ngành nghề có nhu cầu lớn như: Chế biến nông thủy sản, điện, điện tử, cơ khí, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, may đan… gắn chặt với nhu cầu lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cùng với cơ chế sử dụng, chăm lo đời sống cho lực lượng lao động ngày càng hiệu quả, nâng cao.

Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực đào tạo, phát triển mạnh loại hình trường tư thục để thu hút mọi nguồn lực và lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực. Tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong và ngoài doanh nghiệp. Thực hiện tốt các hình thức liên kết đào tạo để mở rộng quy mô, hình thức và ngành nghề đào tạo. Chú trọng đào tạo lực lượng công nhân lành nghề và cán bộ quản lý có trình độ cao.

5.3. Giải pháp về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

Tập trung các nguồn vốn cho đầu tư xây dựng hoàn thiện, đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chú trọng vào các dự án trọng tâm, trọng điểm theo quy hoạch của tỉnh với các hình thức đầu tư phù hợp.

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các cơ chế, chính sách của Trung ương để đầu tư các dự án có vốn đầu tư quy mô lớn và những ngành, lĩnh vực mà tỉnh khuyến khích đầu tư.

Tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần đầu tư công, tăng thu hút nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp quy hoạch phát triển kết

cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là mạng lưới giao thông, công trình thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển đô thị, cấp điện, viễn thông, xử lý các vấn đề môi trường.

5.4. Phát triển khoa học và công nghệ

Phát triển khoa học, công nghệ hướng vào khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đề ra. Thực hiện tốt mối quan hệ, hợp tác với các viện, trường, các tổ chức quốc tế trong công tác nghiên cứu, ứng dụng, đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực của sản xuất và đời sống, trọng tâm là phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao giá trị hàng hóa sản xuất trong chuỗi sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng của toàn bộ nền kinh tế, xem thúc đẩy phát triển ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình tham gia cách mạng công nghiệp 4.0.

5.5. Sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

Triển khai sâu rộng pháp luật về tài nguyên nước, khoáng sản; đẩy mạnh xã hội hóa công tác khai thác, cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn tỉnh. Khoanh định các khu vực cấm và tạm cấm khai thác khoáng sản trên địa bàn tại các khu vực xung yếu.

Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị, khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung... bảo đảm chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Tăng cường đầu tư cho các đơn vị, cơ quan chức năng thực hiện công việc quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh, huyện đến các xã, phường, thị trấn.

Triển khai thực hiện chương trình hành động thích ứng với với biến đổi khí hậu; tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch mang tính chất chuyên ngành, kết cấu hạ tầng đô thị; đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi kết hợp với đường giao thông và hệ thống cống, đê bao để thoát lũ, trữ nước ngọt và điều tiết nước cho hạ nguồn.

5.6. Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước

Tiếp tục nâng cao hiệu quả quy trình cải cách thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền điện tử; cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); từng bước xây dựng chính quyền điện tử; tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quản lý cho cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao; nâng cao trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền đối với Nhân dân và xã hội.

5.7. Hợp tác, liên kết và mở rộng thị trường

Xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp, hợp tác giữa Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang trong mối quan hệ Tiểu vùng Đồng Tháp Mười; giữa Đồng Tháp với các tỉnh thành trong cả nước, tạo điều kiện mở rộng thị trường, liên kết trong sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế, đặc biệt với tỉnh Prâyveng (Vương quốc

Campuchia)…; ưu tiên hợp tác thu hút những lĩnh vực có yêu cầu trình độ, công nghệ cao mà tỉnh Đồng Tháp chưa tiếp cận được.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến thương mại - đầu tư, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Trong đó, chú trọng các giải pháp hỗ trợ cụ thể về đầu ra sản phẩm theo hướng mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường mới để hạn chế rủi ro, bất cập trong sản xuất, bảo đảm cho sản xuất phát triển ổn định và hiệu quả.

Sau khi điều chỉnh Quy hoạch tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân Tỉnh công bố rộng rãi Quy hoạch đến các cấp ủy đảng và chính quyền, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân được biết; đồng thời, chỉ đạo cụ thể hoá thành các kế hoạch, chương trình, dự án để triển khai thực hiện phù hợp theo từng giai đoạn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Đồng Tháp đếm năm 2020.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- UBTVQH, VPQH, VPCP (I,II), Ban CTĐB;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT/HĐND, UBND, UBMTTQ VN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Phan Văn Thắng